



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB12506913 /YNK VICB.68432

Nơi thực hiện/Lab: TN1

Số TTGM: 1-121339

Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

2. Địa chỉ/Address:

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Tên mẫu/Sample:

Chè đậu đen cốt dừa Rừng Vàng Hoàng Gia

4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

Khách hàng tự mang mẫu đến

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

Mẫu được đựng trong hộp kín

7. Lượng mẫu/ Quantity:

500g

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

07/05/2025

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

07/05/2025 - 17/05/2025

10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ^(**) (3)	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,082
6	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005 ^(**)	
7	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) ^(**)	
8	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) ^(**)	
9	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	7,0 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) ^(**)	
10	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005 ^(**)	
11	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	8,0 x 10 ¹	TCVN 4884-1:2015 ^(**)	
12	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,1
13	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005 ^(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 28 tháng/month 05 năm/year 2025

TƯC TÔNG GIÁM ĐỐC

CƠ QUAN PHÒNG THỬ NGHIỆM

Head of Lab

CỔ PHẦN

CHỨNG NHẬN VÀ

GIÁM ĐỊNH

VINACERT

Q. HOÀNG MAI-TP. HÀ NỘI

Bùi Ngọc Tuyên

LƯU Ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Vinacert-Lab/ Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of Vinacert-Lab.

2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.

3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).

4. **: Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, **: Phương pháp thử được công nhận; C*: Phương pháp được chỉ định; (1): Vinacert Hà Nội; (2): Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) Vinacert Hồ Chí Minh/ ** method performed by subcontractors; ** Accredited method; C* assigned method; (1): Vinacert Ha Noi; (2): Test Center VAIQ; (3) Vinacert Ho Chi Minh.

Trụ sở chính:

Tầng 4 tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh,

Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT : 0243.634.1933

CSKH: 090.345.1626

Email : sale@vinacert.vn

Hà Nội Lab

A2LA 3684.01; 3684.02

Chi nhánh TP. Hải Phòng

Địa chỉ: 22 Đoàn Xá, P. Đồng Hải 1,

Q. Hải An,

ĐT : 0225.376.9388

CSKH: 090.345.1626

Email : hp_office@vinacert.vn

Chi nhánh TP. Đà Nẵng

Địa chỉ: P702, Tòa nhà Dairy House,

219-221 Hàn Thuyên, Q. Hải Châu.

ĐT : 0236.627.7011

CSKH: 090.345.1626

Email : dn_office@vinacert.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 26 Lê Văn Miến,

P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức.

ĐT : 0283.514.7355

CSKH: 090.345.1626

Email : sg_office@vinacert.vn

Ho Chi Minh Lab

A2LA 3684.05; 3684.06

Chi nhánh TP. Cần Thơ

Địa chỉ: F2-03, Đường số 6,

KDC 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng.

ĐT : 0292.391.7479

CSKH: 090.345.1626

Email : ct_office@vinacert.vn

VAIQ Center

A2LA 3684.03; 3684.04



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB12508045 /YNK VICB.69380
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-121802
Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG
2. Địa chỉ/Address: Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
3. Tên mẫu/Sample: Chè đậu đen cốt dừa Rong Vàng Hoàng Gia
4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:
5. Người lấy mẫu/Sample collector: Khách hàng tự mang mẫu đến
6. Tình trạng mẫu/ Sample condition: Mẫu đựng trong túi kín
7. Lượng mẫu/ Quantity: 500g
8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date: 21/05/2025
9. Ngày thử nghiệm/ Testing date: 23/05/2025 - 27/05/2025
10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Chì (Pb)	mg/kg	0,1	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 28 tháng/month 05 năm/year 2025

TUỔI TÔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Head of Lab
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG NHẬN VÀ
KIỂM ĐỊNH
VINACERT
Đ. HOÀNG MÃI HÀ NỘI
Bùi Ngọc Tuyền

LƯU Ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/ Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.
2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
4. "": Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, "": Phương pháp thử được công nhận, "C": Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ "" method performed by subcontractors; "" Accredited method; "C" assigned method; (1). VinaCert Ha Noi; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB12506906 /YNK VICB.68432
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-121332
Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

2. Địa chỉ/Address:

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Tên mẫu/Sample:

Bánh đậu sấu riêng Rồng Vàng Hoàng Gia

4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

Khách hàng tự mang mẫu đến

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

Mẫu được đựng trong hộp kín

7. Lượng mẫu/ Quantity:

500g

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

07/05/2025

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

07/05/2025 - 17/05/2025

10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ^(**) (3)	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,082
6	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005 ^(**)	
7	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) ^(**)	
8	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) ^(**)	
9	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	1,0 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) ^(**)	
10	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005 ^(**)	
11	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	2,0 x 10 ¹	TCVN 4884-1:2015 ^(**)	
12	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,1
13	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005 ^(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 20 tháng/month 05 năm/year 2025

TUỔI TÓNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
TRUNG PHONG THỬ NGHIỆM
CHỨNG NHẬN VÀ
GIÁM ĐỊNH
VINACERT
H. HOANG MAI B. NGUYEN
B. NGUYEN Tuyen

Lưu ý:

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.
- Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
- "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
- ***: Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, ****: Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1): VinaCert Hà Nội; (2): Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ *** method performed by subcontractors; **** Accredited method; "C" assigned method; (1). VinaCert Ha Noi; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.

Trụ sở chính:
Tầng 4 tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh,
Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT : 0243.634.1933
CSKH: 090.345.1626
Email : sale@vinacert.vn
Hà Nội Lab
A2LA 3684.01; 3684.02

Chi nhánh TP. Hải Phòng
Địa chỉ: 22 Đoạn Xá, P. Đông Hải 1,
Q. Hải An.
ĐT : 0225.376.9388
CSKH: 090.345.1626
Email : hp_office@vinacert.vn

Chi nhánh TP. Đà Nẵng
Địa chỉ: P702, Tòa nhà Daisy House,
219-221 Hàn Thuyên, Q. Hải Châu.
ĐT : 0236.627.7011
CSKH: 090.345.1626
Email : dn_office@vinacert.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ: Số 26 Lê Văn Miến,
P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức.
ĐT : 0283.514.7355
CSKH: 090.345.1626
Email : sg_office@vinacert.vn
Ho Chi Minh Lab
A2LA 3684.03; 3684.06

Chi nhánh TP. Cần Thơ
Địa chỉ: F2-63, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng.
ĐT : 0292.391.7479
CSKH: 090.345.1626
Email : ct_office@vinacert.vn
VAIQ Center
A2LA 3684.03; 3684.04 Rev01, 1/2024



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB12508038 /YNK VICB.69380
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-121795
Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG
2. Địa chỉ/Address: Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
3. Tên mẫu/Sample: Bánh đậu sấu riêng Rồng Vàng Hoàng Gia
4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:
5. Người lấy mẫu/Sample collector: Khách hàng tự mang mẫu đến
6. Tình trạng mẫu/ Sample condition: Mẫu đựng trong túi kín
7. Lượng mẫu/ Quantity: 500g
8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date: 21/05/2025
9. Ngày thử nghiệm/ Testing date: 23/05/2025 - 27/05/2025
10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Chi (Pb)	mg/kg	0,16	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

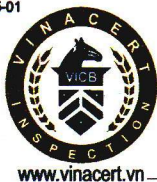
12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 28 tháng/month 05 năm/year 2025

TUỔI TÓNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Head of Lab
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT
Bùi Ngọc Tuyên

Lưu ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/ Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.
2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
4. "": Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, "": Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ "" method performed by subcontractors; "" Accredited method; "C" assigned method; (1). VinaCert Ha Noi; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB12506905 /YNK VICB.68432
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-121331
Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

2. Địa chỉ/Address:

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Tên mẫu/Sample:

Bánh đậu trà xanh Rồng Vàng Hoàng Gia

4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

Khách hàng tự mang mẫu đến

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

Mẫu được đựng trong hộp kín

7. Lượng mẫu/ Quantity:

500g

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

07/05/2025

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

07/05/2025 - 17/05/2025

10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ^(**) (3)	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,082
6	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005 ^(**)	
7	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) ^(**)	
8	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	1,0 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) ^(**)	
9	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005 ^(**)	
10	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	3,2 x 10 ²	TCVN 4884-1:2015 ^(**)	
11	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,1
12	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005 ^(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 28 tháng/month 05 năm/year 2025



LƯU Ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.
2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
4. "": Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, "": Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1): VinaCert Hà Nội; (2): Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ "" method performed by subcontractors; "" Accredited method; "C" assigned method; (1): VinaCert Ha Noi; (2): Test Center VAIQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB12508037 /YNK VICB.69380
 Nơi thực hiện/Lab: TN1
 Số TTGM: 1-121794
 Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

2. Địa chỉ/Address:

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành
 phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Tên mẫu/Sample:

Bánh đậu trà xanh Rồng Vàng Hoàng Gia

4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

Khách hàng tự mang mẫu đến

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

Mẫu đựng trong túi kín

7. Lượng mẫu/ Quantity:

500g

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

21/05/2025

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

23/05/2025 - 27/05/2025

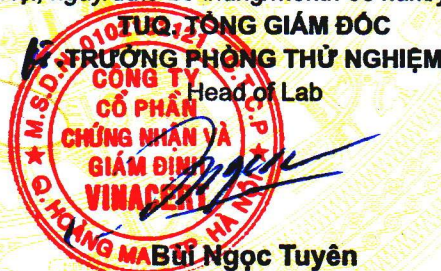
10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Chì (Pb)	mg/kg	0,12	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	
2	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 28 tháng/month 05 năm/year 2025



Head of Lab

Bùi Ngọc Tuyên

Lưu ý:

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.
- Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
- "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
- ***: Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, ****: Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ *** method performed by subcontractors; **** Accredited method; "C" assigned method; (1). VinaCert Ha Noi; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số phiếu No: VICB12506910 /YNK VICB.68432
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-121336
Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer:

2. Địa chỉ/Address:

3. Tên mẫu/Sample:

4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

7. Lượng mẫu/ Quantity:

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

10. Kết quả/ Results:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Bánh đậu xanh hương vị cốt Rong Vàng Hoàng Gia

Khách hàng tự mang mẫu đến

Mẫu được đựng trong hộp kín

500g

07/05/2025

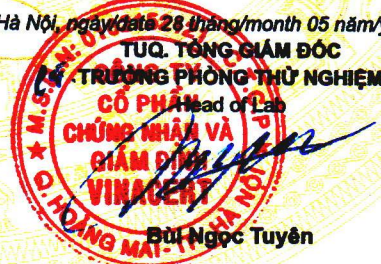
07/05/2025 - 17/05/2025

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ^(**) (3)	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,082
6	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005 ^(**)	
7	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) ^(**)	
8	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	8,0 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) ^(**)	
9	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005 ^(**)	
10	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	2,4 x 10 ³	TCVN 4884-1:2015 ^(**)	
11	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,1
12	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005 ^(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm/ year 2025



LƯU Ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinasCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinasCert-Lab.

2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.

3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).

4. **: Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, **: Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1). VinasCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinasCert Hồ Chí Minh/ ** method performed by subcontractors; ** Accredited method; "C" assigned method; (1). VinasCert Ha Noi; (2). Test Center VAIQ; (3) VinasCert Ho Chi Minh.



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB12508042 /YNK VICB.69380

Nơi thực hiện/Lab: TN1

Số TTGM: 1-121799

Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

2. Địa chỉ/Address:

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Tên mẫu/Sample:

Bánh đậu xanh hương vị cốt Rong Vàng Hoàng Gia

4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

Khách hàng tự mang mẫu đến

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

Mẫu đựng trong túi kín

7. Lượng mẫu/ Quantity:

500g

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

21/05/2025

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

23/05/2025 - 27/05/2025

10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Chì (Pb)	mg/kg	0,09	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	
2	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 28 tháng/month 05 năm/year 2025

TUO TÔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
 Head of Lab
Bùi Ngọc Tuyên

Lưu ý:

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.
- Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
- "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
- "**": Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, "****": Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ "**" method performed by subcontractors; "****" Accredited method; "C" assigned method; (1). VinaCert Ha Noi; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB12506908 /YNK VICB.68432

Nơi thực hiện/Lab: TN1

Số TTGM: 1-121334

Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

2. Địa chỉ/Address:

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Tên mẫu/Sample:

Bánh đậu xanh hương vị dừa Rong Vàng Hoàng Gia

4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

Khách hàng tự mang mẫu đến

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

Mẫu được đựng trong hộp kín

7. Lượng mẫu/ Quantity:

500g

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

07/05/2025

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

07/05/2025 - 17/05/2025

10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ^(**) (3)	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,082
6	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005 ^(**)	
7	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) ^(**)	
8	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) ^(**)	
9	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	2,0 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) ^(**)	
10	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005 ^(**)	
11	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	2,0 x 10 ¹	TCVN 4884-1:2015 ^(**)	
12	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,1
13	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005 ^(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 26 tháng/month 05 năm/year 2025

TRƯỞNG TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
 Head of Lab

CHỨNG NHẬN
GIÁM ĐỊNH
VINACERT
Q. HOÀNG MAI
Bùi Ngọc Tuyền

LƯU Ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Vinacert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of Vinacert-Lab.

2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.

3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).

4. **: Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, **: Phương pháp thử được công nhận; C: Phương pháp được chỉ định; (1): Vinacert Hà Nội; (2): Trung tâm thử nghiệm VAQ; (3) Vinacert Hồ Chí Minh/ ** method performed by subcontractors; ** Accredited method; C: assigned method; (1): Vinacert Ha Noi; (2): Test Center VAQ; (3) Vinacert Ho Chi Minh.



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB12508040 /YNK VICB.69380
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-121797
Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG
2. Địa chỉ/Address: Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
3. Tên mẫu/Sample: Bánh đậu xanh hương vị dừa Rong Vàng Hoàng Gia
4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:
5. Người lấy mẫu/Sample collector: Khách hàng tự mang mẫu đến
6. Tình trạng mẫu/ Sample condition: Mẫu đựng trong túi kín
7. Lượng mẫu/ Quantity: 500g
8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date: 21/05/2025
9. Ngày thử nghiệm/ Testing date: 23/05/2025 - 27/05/2025
10. Kết quả Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Chi (Pb)	mg/kg	0,11	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 28 tháng/month 05 năm/year 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Head of Lab
CHỦ NHẬN VÀ
GIAM ĐỊNH
VINACERT
Bùi Ngọc Tuyền

Lưu ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.
2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
4. "": Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, "": Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ "" method performed by subcontractors; "" Accredited method; "C" assigned method; (1). VinaCert Ha Noi; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.

Trụ sở chính:

Tầng 4 tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh,
Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội
ĐT : 0243.634.1933
Fax : 0243.634.1137
Email : sale@vinacert.vn

CN Hải Phòng

Địa chỉ: 22 Đoàn Xá, Đông Hải 1,
Q. Hải An
ĐT : 0225.376.9387
Fax : 0225.376.9388
Email : hp_office@vinacert.vn

CN Đà Nẵng

Địa chỉ : P702, Tòa nhà Daisy House,
219-221 Hàn Thuyên, Q. Hải Châu
ĐT : 0236.627.7011
Fax : 0236.362.4384
Email : dn_office@vinacert.vn

CN TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 26 Lê Văn Miến,
phường Thảo Điền, TP Thủ Đức
ĐT : 0283.514.7365
Fax : 0283.514.7354
Email : sg_office@vinacert.vn

CN Cần Thơ

Địa chỉ: F2-63, Đường số 6,
KDC 696, Q. Cái Răng
ĐT : 0292.388.1749
Fax : 0292.388.1749
Email : ct_office@vinacert.vn



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB12506909 /YNK VICB.68432
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-121335
Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer:

2. Địa chỉ/Address:

3. Tên mẫu/Sample:

4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

7. Lượng mẫu/ Quantity:

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

10. Kết quả/ Results:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Bánh đậu xanh hương vị khoai môn Rồng Vàng Hoàng Gia

Khách hàng tự mang mẫu đến

Mẫu được đựng trong hộp kín

500g

07/05/2025

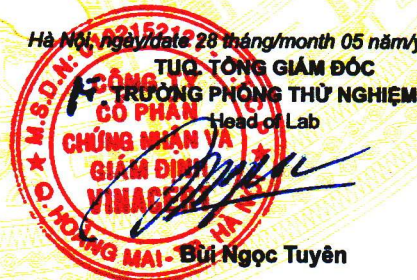
07/05/2025 - 17/05/2025

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ^(**) (3)	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,082
6	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005 ^(**)	
7	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) ^(**)	
8	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) ^(**)	
9	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	< 10	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) ^(**)	
10	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005 ^(**)	
11	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	8,5 x 10 ¹	TCVN 4884-1:2015 ^(**)	
12	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,1
13	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005 ^(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/thức 28 tháng/month 05 năm/year 2025



Lưu ý:

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Vinacert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of Vinacert-Lab.
- Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
- "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
- "**": Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, "": Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1): Vinacert Hà Nội; (2): Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) Vinacert Hồ Chí Minh/ "" method performed by subcontractors; "" Accredited method; "C" assigned method; (1): Vinacert Ha Noi; (2): Test Center VAIQ; (3) Vinacert Ho Chi Minh.

Trụ sở chính:

Tầng 4 tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh,
Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT : 0243.634.1933
CSKH : 090.345.1626
Email : sale@vinacert.vn
Ha Noi Lab
AZLA 3684.01; 3684.02

Chi nhánh TP. Hải Phòng

Địa chỉ: 22 Đoàn Xá, P. Đông Hải 1,
Q. Hải An.
ĐT : 0225.376.9388
CSKH : 090.345.1626
Email : hp_office@vinacert.vn

Chi nhánh TP. Đà Nẵng

Địa chỉ: P702, Tòa nhà Daisy House,
218-221 Hàn Thuyên, Q. Hải Châu.
ĐT : 0236.627.7011
CSKH : 090.345.1626
Email : dn_office@vinacert.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 26 Lê Văn Miến,
P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức.
ĐT : 0283.514.7355
CSKH : 090.345.1626
Email : sg_office@vinacert.vn
Ho Chi Minh Lab
AZLA 3684.05; 3684.06

Chi nhánh TP. Cần Thơ

Địa chỉ: F2-63, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng.
ĐT : 0292.391.7479
CSKH : 090.345.1626
Email : ct_office@vinacert.vn
VAIQ Center
AZLA 3684.03; 3684.04



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB12508041 /YNK VICB.69380

Nơi thực hiện/Lab: TN1

Số TTGM: 1-121798

Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG
2. Địa chỉ/Address: Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
3. Tên mẫu/Sample: Bánh đậu xanh hương vị khoai môn Rồng Vàng Hoàng Gia
4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:
5. Người lấy mẫu/Sample collector: Khách hàng tự mang mẫu đến
6. Tình trạng mẫu/ Sample condition: Mẫu đựng trong túi kín
7. Lượng mẫu/ Quantity: 500g
8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date: 21/05/2025
9. Ngày thử nghiệm/ Testing date: 23/05/2025 - 27/05/2025
10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Chì (Pb)	mg/kg	0,09	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

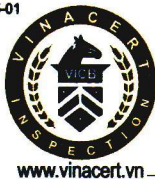
12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 28 tháng/month 05 năm/year 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Head of Lab
CHỖ PHÂN CÔNG TY
CHỨNG NHẬN VÀ
GIẤM ĐỊNH
VINACERT
Đ. HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI
Bùi Ngọc Tuyên

Lưu ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.
2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
4. "": Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, "": Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ "" method performed by subcontractors; "" Accredited method; "C" assigned method; (1). VinaCert Ha Noi; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số phiếu No: VICB12506911 /YNK VICB.68432
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-121337
Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer:

2. Địa chỉ/Address:

3. Tên mẫu/Sample:

4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

7. Lượng mẫu/ Quantity:

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

10. Kết quả/ Results:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Bánh đậu xanh hương vị sen Rong Vàng Hoàng Gia

Khách hàng tự mang mẫu đến

Mẫu được đựng trong hộp kín

500g

07/05/2025

07/05/2025 - 17/05/2025

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ^(**) (3)	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,082
6	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005 ^(**)	
7	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) ^(**)	
8	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) ^(**)	
9	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	4,0 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) ^(**)	
10	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005 ^(**)	
11	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	4,0 x 10 ¹	TCVN 4884-1:2015 ^(**)	
12	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,1
13	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005 ^(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/best, 28 tháng/month 05 năm/year 2025

TUÇ. TÔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
CỔ PHẦN Head of Lab
CHỨNG NHẬN VÀ
GIÁM ĐỐC
VINACERT
Rui Ngọc Tuyên

LƯU Ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.
2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
4. **: Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, **: Phương pháp thử được công nhận; C: Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ ** method performed by subcontractors; ** Accredited method; C assigned method; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Test Center VAQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.

Trụ sở chính:
Tầng 4 tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh,
Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT : 0243.634.1933
CSKH : 090.345.1626
Email : sale@vinacert.vn
Hà Nội Lab
AZLA 3684.01; 3684.02

Chi nhánh TP. Hải Phòng
Địa chỉ: 22 Đoàn Xá, P. Đồng Hải 1,
Q. Hải An.
ĐT : 0225.376.9388
CSKH : 090.345.1626
Email : hp_office@vinacert.vn

Chi nhánh TP. Đà Nẵng
Địa chỉ : P702, Tòa nhà Daisy House,
219-221 Hàn Thuyên, Q. Hải Châu.
ĐT : 0236.627.7011
CSKH : 090.345.1626
Email : dn_office@vinacert.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ: Số 26 Lê Văn Miến,
P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức.
ĐT : 0283.514.7355
CSKH : 090.345.1626
Email : sg_office@vinacert.vn
Hồ Chí Minh Lab
AZLA 3684.05; 3684.06

Chi nhánh TP. Cần Thơ
Địa chỉ: F2-63, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng.
ĐT : 0292.391.7479
CSKH : 090.345.1626
Email : ct_office@vinacert.vn
VAQ Center
AZLA 3684.03; 3684.04 Rev01, 1/2024



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB12508043 /YNK VICB.69380
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-121800
Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG
2. Địa chỉ/Address: Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
3. Tên mẫu/Sample: Bánh đậu xanh hương vị sen Rồng Vàng Hoàng Gia
4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:
5. Người lấy mẫu/Sample collector: Khách hàng tự mang mẫu đến
6. Tình trạng mẫu/ Sample condition: Mẫu đựng trong túi kín
7. Lượng mẫu/ Quantity: 500g
8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date: 21/05/2025
9. Ngày thử nghiệm/ Testing date: 23/05/2025 - 27/05/2025
10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Chì (Pb)	mg/kg	0,09	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 28 tháng/month 05 năm/year 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Head of Lab
CỔ PHẦN
CHỨNG NHẬN VÀ
GIÁM ĐỊNH
VINACERT
HÀNG MẠI - TP. HÀ NỘI
Bùi Ngọc Tuyên

LƯU Ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/ Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.
2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
4. "": Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, "": Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ "" method performed by subcontractors; "" Accredited method; "C" assigned method; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh.



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORTSố phiếu /No: VICB12506907 /YNK VICB.68432
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-121333
Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

2. Địa chỉ/Address:

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Tên mẫu/Sample:

Bánh đậu xanh hương vị trái cây Rồng Vàng Hoàng Gia

4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

Khách hàng tự mang mẫu đến

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

Mẫu được đựng trong hộp kín

7. Lượng mẫu/ Quantity:

500g

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

07/05/2025

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

07/05/2025 - 17/05/2025

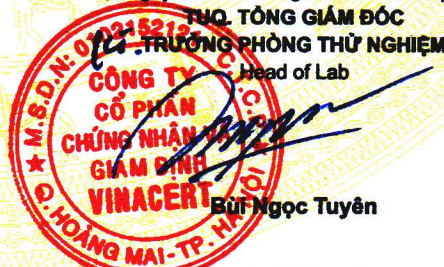
10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ^(**) (3)	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,082
6	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005 ^(**)	
7	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) ^(**)	
8	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) ^(**)	
9	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	1,0 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) ^(**)	
10	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005 ^(**)	
11	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	1,0 x 10 ¹	TCVN 4884-1:2015 ^(**)	
12	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,1
13	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005 ^(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 28 tháng/month 05 năm/year 2025



Lưu ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Vinacert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of Vinacert-Lab.
2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
4. **: Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, **: Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1): Vinacert Hà Nội; (2): Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) Vinacert Hồ Chí Minh/ ** method performed by subcontractors; ** Accredited method; "C" assigned method; (1): Vinacert Ha Noi; (2): Test Center VAIQ; (3) Vinacert Ho Chi Minh.



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB12508039 /YNK VICB.69380
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-121796
Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG
2. Địa chỉ/Address: Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
3. Tên mẫu/Sample: Bánh đậu xanh hương vị trái cây Rồng Vàng Hoàng Gia
4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:
5. Người lấy mẫu/Sample collector: Khách hàng tự mang mẫu đến
6. Tình trạng mẫu/ Sample condition: Mẫu đựng trong túi kín
7. Lượng mẫu/ Quantity: 500g
8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date: 21/05/2025
9. Ngày thử nghiệm/ Testing date: 23/05/2025 - 27/05/2025
10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Chi (Pb)	mg/kg	0,15	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 28 tháng/month 05 năm/year 2025

TUỔI TÔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Head of Lab
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG
CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH
VINACERT
Bùi Ngọc Tuyên

Lưu ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.
2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
4. "": Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, "": Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ "" method performed by subcontractors; "" Accredited method; "C" assigned method; (1). VinaCert Ha Noi; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB12506904 /YNK VICB.68432
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-121330
Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

2. Địa chỉ/Address:

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Tên mẫu/Sample:

Bánh đậu xanh Rồng Vàng Hoàng Gia

4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

Khách hàng tự mang mẫu đến

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

Mẫu được đựng trong hộp kín

7. Lượng mẫu/ Quantity:

500g

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

07/05/2025

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

07/05/2025 - 17/05/2025

10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ^(**) (3)	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,082
6	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005 ^(**)	
7	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) ^(**)	
8	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) ^(**)	
9	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	< 10	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) ^(**)	
10	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005 ^(**)	
11	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	8,5 x 10 ¹	TCVN 4884-1:2015 ^(**)	
12	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,1
13	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005 ^(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 28 tháng/month 05 năm/year 2025



LƯU Ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.
2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
4. **, Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, ***, Phương pháp thử được công nhận; C: Phương pháp được chỉ định; (1): VinaCert Hà Nội; (2): Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ *** method performed by subcontractors; **** Accredited method; C assigned method; (1): VinaCert Hà Nội; (2): Test Center VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính:

Tầng 4 tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh,
Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT : 0243.634.1933
CSKH : 090.345.1626
Email : sale@vinacert.vn
Hà Nội Lab
AZLA 3684.01; 3684.02

Chi nhánh TP. Hải Phòng

Địa chỉ: 22 Đoàn Xá, P. Đồng Hải 1,
Q. Hải An.
ĐT : 0225.376.9388
CSKH : 090.345.1626
Email : hp_office@vinacert.vn

Chi nhánh TP. Đà Nẵng

Địa chỉ : P702, Tòa nhà Daisy House,
219-221 Hàn Thuyên, Q. Hải Châu.
ĐT : 0236.627.7011
CSKH : 090.345.1626
Email : dn_office@vinacert.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 26 Lê Văn Miến,
P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức.
ĐT : 0283.514.7355
CSKH : 090.345.1626
Email : sg_office@vinacert.vn
Ho Chi Minh Lab
AZLA 3684.05; 3684.06

Chi nhánh TP. Cần Thơ

Địa chỉ: F2-63, Đường số 6,
KDC 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng.
ĐT : 0292.391.7479
CSKH : 090.345.1626
Email : ct_office@vinacert.vn
VAIQ Center
AZLA 3684.03; 3684.04 Rev01, 1/2024



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB12508036 /YNK VICB.69380

Nơi thực hiện/Lab: TN1

Số TTGM: 1-121793

Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIA

2. Địa chỉ/Address:

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Tên mẫu/Sample:

Bánh đậu xanh Rồng Vàng Hoàng Gia

4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

Khách hàng tự mang mẫu đến

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

Mẫu đựng trong túi kín

7. Lượng mẫu/ Quantity:

500g

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

21/05/2025

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

23/05/2025 - 27/05/2025

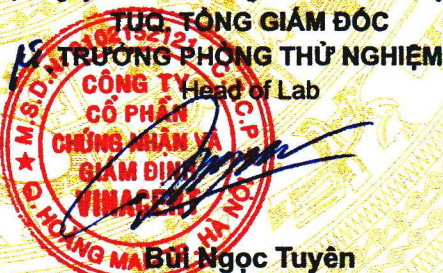
10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Chì (Pb)	mg/kg	0,13	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 28 tháng/month 05 năm/year 2025

**Lưu ý:**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.
2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
4. "": Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, """: Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ "" method performed by subcontractors; "" Accredited method; "C" assigned method; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh.



www.vinacert.vn

VINACERT-CONTROL


 3684.01; 3684.02
 3684.03; 3684.04
 3684.05; 3684.06
 ISO/IEC 17025:2017


Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

 Số phiếu /No: VICB12506912 /YNK VICB.68432
 Nơi thực hiện/Lab: TN1
 Số TTGM: 1-121338
 Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer:

2. Địa chỉ/Address:

3. Tên mẫu/Sample:

4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

7. Lượng mẫu/ Quantity:

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

10. Kết quả/ Results:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Bột đậu xanh dinh dưỡng Rong Vàng Hoàng Gia

Khách hàng tự mang mẫu đến

Mẫu được đựng trong hộp kín

500g

07/05/2025

07/05/2025 - 17/05/2025

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ^(**) (3)	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/Kg	KPH	V31-82-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 1,0
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,082
6	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005 ^(**)	
7	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) ^(**)	
8	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) ^(**)	
9	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	9,0 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) ^(**)	
10	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005 ^(**)	
11	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	9,9 x 10 ³	TCVN 4884-1:2015 ^(**)	
12	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ^(**) (3)	LOD = 0,1
13	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005 ^(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/đate 28 tháng/month 05 năm/year 2025

TUO. TỔNG GIÁM ĐỐC
 TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
 CỔ PHẦN Head of Lab
 CHỨNG NHẬN VÀ
 GIÁM ĐỊNH
 VINACERT
 HÀ NỘI
 Bui Ngọc Tuyền

LƯU Ý:

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Vinacert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of Vinacert-Lab.
- Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
- "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
- ***: Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, ****: Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1): Vinacert Hà Nội; (2): Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) Vinacert Hồ Chí Minh/ *** method performed by subcontractors; **** Accredited method; "C" assigned method; (1): Vinacert Ha Noi; (2): Test Center VAIQ; (3) Vinacert Ho Chi Minh.

 Trụ sở chính:
 Tầng 4 tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh,
 Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
 ĐT : 0243.634.1933
 CSKH: 090.345.1626
 Email : sale@vinacert.vn
 Hà Nội Lab
 A2LA 3684.01; 3684.02

 Chi nhánh TP. Hải Phòng
 Địa chỉ: 22 Đoàn Xá, P. Đông Hải 1,
 Q. Hải An.
 ĐT : 0225.376.9388
 CSKH: 090.345.1626
 Email : hp_office@vinacert.vn

 Chi nhánh TP. Đà Nẵng
 Địa chỉ: P702, Tòa nhà Daisy House,
 219-221 Hàn Thuyên, Q. Hải Châu.
 ĐT : 0236.627.7011
 CSKH: 090.345.1626
 Email : dn_office@vinacert.vn

 Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
 Địa chỉ: Số 26 Lê Văn Miến,
 P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức.
 ĐT : 0283.514.7355
 CSKH: 090.345.1626
 Email : sg_office@vinacert.vn
 Hồ Chí Minh Lab
 A2LA 3684.03; 3684.04

 Chi nhánh TP. Cần Thơ
 Địa chỉ: F2-63, Đường số 6,
 KDC 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng.
 ĐT : 0292.391.7479
 CSKH: 090.345.1626
 Email : ct_office@vinacert.vn
 VAIQ Center
 A2LA 3684.03; 3684.04 Rev01, 1/2024



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB12508044 /YNK VICB.69380
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-121801
Trang /Page: 1/1

1. Khách hàng/Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG
2. Địa chỉ/Address: Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
3. Tên mẫu/Sample: Bột đậu xanh dinh dưỡng Rong Vàng Hoàng Gia
4. Mã mẫu (TCCS)/Sample code/ES:
5. Người lấy mẫu/Sample collector: Khách hàng tự mang mẫu đến
6. Tình trạng mẫu/ Sample condition: Mẫu đựng trong túi kín
7. Lượng mẫu/ Quantity: 500g
8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date: 21/05/2025
9. Ngày thử nghiệm/ Testing date: 23/05/2025 - 27/05/2025
10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Chì (Pb)	mg/kg	0,12	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 28 tháng/month 05 năm/year 2025

TUỔI TÓNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
CỔ PHẦN HOÀNG GIANG
CHỦNG NHẬN VÀ
GIÁM ĐỊNH
VINACERT
HÀNG MẠI-TP. HÀ NỘI

Bùi Ngọc Tuyên

Lưu ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu RTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/ Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.
2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
4. "": Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, "": Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ "" method performed by subcontractors; "" Accredited method; "C" assigned method; (1). VinaCert Ha Noi; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.

Trụ sở chính:

Tầng 4 tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh,
Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội
ĐT : 0243.634.1933
Fax : 0243.634.1137
Email : sale@vinacert.vn

CN Hải Phòng

Địa chỉ: 22 Đoàn Xá, Đông Hải 1,
Q. Hải An
ĐT : 0225.376.9387
Fax : 0225.376.9388
Email : hp_office@vinacert.vn

CN Đà Nẵng

Địa chỉ: P702, Tòa nhà Daisy House,
219-221 Hàn Thuyên, Q. Hải Châu
ĐT : 0236.627.7011
Fax : 0236.362.4394
Email : dn_office@vinacert.vn

CN TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 26 Lê Văn Miến,
phường Thảo Điền, TP Thủ Đức
ĐT : 0283.514.7355
Fax : 0283.514.7354
Email : sg_office@vinacert.vn

CN Cần Thơ

Địa chỉ: F2-63, Đường số 6,
KDC 588, Q. Cái Răng
ĐT : 0292.391.7479
Fax : 0292.388.1749 Rev01, 1/2024
Email : ct_office@vinacert.vn